

Số: 65/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 112/2026/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** ông Vũ Kim Đ, sinh năm 1963

Địa chỉ: thôn C, xã N, tỉnh H.

- **Bị đơn:** bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã N, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: thôn Đ, xã M, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 - Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: ông Vũ Kim Đ và bà Nguyễn Thị N.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: ông Vũ Kim Đ và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: ông Đ và bà N có 02 con chung là Vũ Thị Q N, sinh ngày 14-8-2010 và Vũ Kim P, sinh ngày 21-11-2012. Ông Đ và bà N thỏa thuận để bà N trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Vũ Thị Quỳnh N và Vũ Kim P; ông Đ có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đối với 01 con chung, hai con là 4.000.000 đồng kể từ tháng 3 năm 2026 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ông Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*- Về chia tài sản chung: ông Đ và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: ông Đ tự nguyện nộp cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000 đồng tiền án phí góp cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001158 ngày 12-3-2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 - H (ông Đ đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh H;
- Viện kiểm sát ND tỉnh H;
- VKSND KV8 - H
- Phòng THADS KV 8 - H;
- UBND xã N, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ; HC - TP.

THẨM PHÁN

Đã Ký

Nguyễn Bích Thủy